



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau

Laboratory: Faculty Medical Test - Imaging Diagnostics - Functional
Exploration
Ca Mau Center For Disease Control

Cơ quan chủ quản: Sở Y tế Cà mau

Organization: Department of Health Ca Mau

Số hiệu/ Code: VILAS 1316

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

Người quản lý/ Laboratory manager: Trần Thanh Tùng

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /07/2025 đến ngày 27/07/2026

Địa chỉ: Số 91, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 4, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

Address: NO. 91 Ly Thuong Kiet Street, Tan Thanh Ward, Ca Mau Province.

Địa điểm: Số 01, đường Đồng Khởi, phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau

Location: NO. 01 Dong Khoi Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province.

Điện thoại/ Tel: 0291.3824107

Fax:

E-mail: xetnghiembl@gmail.com

Website: www.ttkstbbaclieu.gov.vn/

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1316

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước uống đóng chai, nước sạch <i>Bottled drinking water, domestic water</i>	Xác định pH, <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định hàm lượng Clorua <i>Determination of Chloride content</i>	1,5 mg/L	SMEWW 4500 Cl-B:2017
3.		Xác định hàm lượng Sắt tổng Phương pháp quang phổ <i>Determination of Iron total content Spectrophotometric method</i>	0,06 mg/L	SMEWW 3500 Fe-B:2017
4.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp quang phổ <i>Determination of Nitrite content Spectrophotometric method</i>	0,03 mg NO ₂ ⁻ /L	SMEWW 4500 NO ₂ --B:2017
5.		Xác định độ cứng tổng <i>Determination of hardness content</i>	3 mg/L	SMEWW 2340-C:2017
6.		Xác định hàm lượng độ màu <i>Determination of color content</i>	5 TCU	SMEWW 2120C : 2017
7.		Xác định hàm lượng nitrate Phương pháp quang phổ <i>Determination of nitrate content Spectrophotometric method</i>	1 mg/L	TCVN 6180:1996
8.		Xác định hàm lượng sulphat Phương pháp quang phổ <i>Determination of sulfate content Spectrophotometric method</i>	5 mg/L	US-EPA 1997-375.4
9.		Xác định hàm lượng đồng tổng số Phương pháp quang phổ <i>Determination of copper total content Spectrophotometric method</i>	0,06 mg/L	SMEWW 3500-Cu-C : 2017
10.		Xác định hàm lượng mangan Phương pháp quang phổ <i>Determination of mangan content Spectrophotometric method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 3500-Mn B : 2017
11.	Bánh, kẹo Cake, candy	Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	-	TCVN 4069:2009

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1316

Ghi chú/*note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam.
- SMEWW: Standard method for examination of water and wastewater.
- EPA: United State Environmental Protection Agency.

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Ca Mau Center For Disease Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*